TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1098**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lài**

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà **Nguyễn Anh Thư**

- Ông **Đặng Văn Dũng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lương Ngân Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà **Chu Thị Hồng Nhung** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 735/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1281/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh **Đinh Xuân L**, sinh năm 1977 *(Có mặt).*

Nơi đăng ký thường trú: TDP C, phường G, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã P, tỉnh Lào Cai.

*** Bị đơn:** Chị **Nguyễn Thị M,** sinh năm 1977 *(Có mặt).*

Nơi đăng ký thường trú: TDP C, phường G, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Số I, ngõ C phố Đ, tổ A (Nay là tổ I), phường Đ, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Đinh Xuân L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn 30 tháng 8 năm 2000 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (Nay là UBND phường C, tỉnh Ninh Bình). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà ở nhiều nơi tại Hà Nội để sinh sống. Hiện nay, chị M và hai con đang

sinh sống tại địa chỉ tổ A, phường Đ (Số I, ngõ C Đ), Thành phố Hà Nội (Nay là tổ I, phường Đ, Thành phố Hà Nội).

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã. Do không thể chịu đựng được nên anh L đã chuyển lên Yên Bái để sinh sống từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống và kinh tế độc lập.

Đến nay, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho anh được ly hôn với chị M để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh xác nhận anh và chị M có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 25/11/2003 và cháu Đinh Thanh P1, sinh ngày 30/8/2015. Khi ly hôn, cháu P đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L đồng ý để chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu P1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là cháu P1 số tiền 12.000.000 đồng mỗi tháng. Hiện nay, thu nhập hàng tháng của anh L khoảng 20.000.000 đồng.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

**** Bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Xuân L kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 2000 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (Nay là UBND phường C, tỉnh Ninh Bình). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà ở nhiều nơi tại Hà Nội để sinh sống. Hiện nay, chị và hai con đang thuê nhà để sinh sống tại địa chỉ tổ A, phường Đ (Số I, ngõ C Đ), Thành phố Hà Nội (Nay là tổ I, phường Đ, Thành phố Hà Nội).

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh L không chung thủy với gia đình. Tuy nhiên, chị M không có tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án. Từ năm 2022 cho đến nay, anh L đã chuyển lên Lào Cai để sinh sống

và làm việc. Vợ chồng anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống và kinh tế độc lập.

Đến nay, anh L xin ly hôn chị M, chị M không đồng ý. Bản thân chị vẫn mong muốn gia đình đoàn tụ với nhau để các con có một gia đình có đầy đủ cả bố và mẹ.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh L có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 25/11/2003 và cháu Đinh Thanh P1, sinh ngày 30/8/2015. Khi ly hôn, cháu P đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp phải ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu P1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nếu được nuôi con chung là cháu P1, chị M yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 12.000.000 đồng mỗi tháng. Hiện nay, thu nhập hàng tháng của chị M khoảng 9.000.000 đồng.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị M đồng ý để anh L chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án Hôn nhân gia đình.

**** Theo đơn đề nghị của cháu Đinh Thanh P1 (Con chung của anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M) trình bày:*** Khi bố mẹ ly hôn, cháu P1 xin được ở với mẹ là Nguyễn Thị M.

**** Theo Biên bản xác minh tại đại diện Tổ dân phố số 9 (Trước đây là tổ A), phường Đ, Thành phố Hà Nội cung cấp:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 8 năm 2000 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (Nay là UBND phường C, tỉnh Ninh Bình).

Quá trình thuê nhà và sinh sống tại địa chỉ số I, ngõ C Đ, phường Đ, Thành phố Hà Nội thì Tổ dân phố không nhận được thông tin gì về mâu thuẫn của anh chị. Mâu thuẫn nội bộ trong gia đình anh chị thì Tổ dân phố không nắm được.

Đến nay, anh L xin ly hôn chị M thì Tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 25/11/2003 và cháu Đinh Thanh P1, sinh ngày 30/8/2015.

Trường hợp anh chị ly hôn, Tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và đảm bảo tốt nhất quyền lợi của các cháu.

- Về tài sản chung, nhà ở chung: Tổ dân phố không biết, không có ý kiến.

- Về nợ chung: Tổ dân phố không biết, không có ý kiến.

**** Tại phiên tòa hôm nay***

- Anh Đinh Xuân L giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục và xin được ly hôn chị M để ổn định cuộc sống. Anh xác nhận không có quan hệ với người phụ nữ nào cả.

- Bị đơn là chị Nguyễn Thị M giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân từ lâu và anh L có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị M không có tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án. Chị M không đồng ý ly hôn vì chị M mong muốn các con có đầy đủ bố mẹ.

**** Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có quan điểm:***

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội thụ lý đơn xin ly hôn của anh Đinh Xuân L đối với chị Nguyễn Thị M hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Xuân L về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Xử cho anh L được ly hôn với chị M.

Về con chung: Giao con chung là cháu Thanh P1 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng nuôi cháu Thanh P1 mỗi tháng 12.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Anh L và chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ chung: Anh L và chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đinh Xuân L có đơn xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị M có nơi nơi ở hiện nay tại tổ I, phường Đ (Số I, ngõ C Đ), Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, Toà án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vẫn không hòa giải để đoàn tụ được. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 30 tháng 8 năm 2000 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (Nay là UBND phường C, tỉnh Ninh Bình). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của anh L, chị M trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2022, năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo anh L, nguyên nhân của mâu thuẫn xuất phát từ việc hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Về phía chị M, chị M cho rằng nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh L không chung thủy với gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị M không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Từ năm 2022, anh L đã chuyển lên Lào Cai để sinh sống và làm việc. Kể từ đó đến nay, anh chị sống ly thân, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, cuộc sống và kinh tế độc lập. Đến nay, anh L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh L xin được ly hôn với chị M để anh ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, chị M xác nhận không còn tình cảm với anh L nhưng chị M không đồng ý ly hôn, vì chị M mong muốn các con được sống trong một gia đình có đầy đủ bố, mẹ.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân chỉ có thể được duy trì khi vợ chồng thật sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau xây dựng cuộc sống chung. Trong vụ án này, anh L và chị M đã sống ly thân từ năm 2022, mỗi

người sinh sống ở một địa phương khác nhau, có cuộc sống và kinh tế độc lập, không ai quan tâm đến ai và không liên lạc với nhau. Tình trạng này cho thấy quan hệ hôn nhân giữa các bên đã rạn nứt, việc duy trì đời sống chung không còn ý nghĩa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả, anh L xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không có hạnh phúc và cương quyết xin ly hôn. Chị M không đồng ý ly hôn vì chị muốn các con có một gia đình đầy đủ bố và mẹ. Tuy nhiên, chị M không đưa ra được các phương án cụ thể để để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Tại các buổi làm việc, chị M trình bày nguyên nhân anh chị ly thân là do anh L không chung thủy với gia đình nhưng chị M không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét, đánh giá.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, anh L xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L, xử cho anh Đinh Xuân L được ly hôn với chị Nguyễn Thị M là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị xác nhận có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 25/11/2003 và cháu Đinh Thanh P1, sinh ngày 30/8/2015. Khi ly hôn, cháu Đinh Hoàng P đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu phải ly hôn, chị M có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Thanh P1. Hơn nữa, anh L cũng đồng ý để chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Thanh P1. Xét về điều kiện nuôi con, chị M không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Hơn nữa, nếu con trên 7 tuổi thì cũng cần xem xét nguyện vọng của con khi quyết định giao con cho bố hay mẹ nuôi. Tại bản tự khai tại Tòa án, cháu Thanh P1 bày tỏ mong muốn được ở cùng với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Thanh P1 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Thanh P1 số tiền 12.000.000 đồng mỗi tháng. Anh L đồng ý cấp dưỡng số tiền 12.000.000 đồng mỗi tháng. Do đó, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh L

về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Thanh P1 số tiền 12.000.000 đồng mỗi tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh L và chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Anh L và chị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Đinh Xuân L được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Xác nhận anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M có 02 con chung là cháu Đinh Hoàng P, sinh ngày 25/11/2003 và cháu Đinh Thanh P1, sinh ngày 30/8/2015. Cháu Đinh Hoàng P đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Giao con chung là cháu Đinh Thanh P1 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đinh Xuân L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đinh Xuân L cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đinh Thanh P1 mỗi tháng 12.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Đinh Xuân L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012043 ngày 19 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh Đinh Xuân L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo:

Anh Đinh Xuân L và chị Nguyễn Thị M có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lài